TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-07-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đoàn Thân và bà Nguyễn Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: bà Hoàng Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn Đ1, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Đỗ Văn T, sinh năm 1977.

Đại diện hợp pháp của Bị đơn: ông Đỗ Ngọc C, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: tiểu khu P, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/03/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Đỗ Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 07/01/2011, tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập chị và đập phá tài sản một cách vô cớ. Do không chịu đựng được, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Cuối năm 2020, anh T phát bệnh, không còn nhận thức được hành động, Bệnh viện tâm thần Thanh Hóa chuẩn đoán

bị tâm thần, nên anh T đã được bố chồng là ông Đỗ Ngọc C đưa vào Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Thanh Hóa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh T có hai con chung. Các cháu tên là Đỗ Yến N, sinh ngày 23/10/2011 và Đỗ Anh M, sinh ngày 06/04/2017. Hiện nay các cháu đang ở với chị. Do anh T phải điều trị bệnh tâm thần, nên chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai cháu. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/04/2021, Đại diện hợp pháp của anh Đỗ Văn T là ông Đỗ Ngọc C khai, anh T và chị Nguyễn Thị T kết hôn tháng 01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T ở chung với vợ chồng ông. Cuối năm 2018, anh T phát bệnh, không làm chủ được hành vi, chửi bới người thân và đập phá tài sản trong nhà. Đến tháng 8/2020, do tình hình bệnh của anh T không ổn định và có chiều hướng nặng thêm, nên gia đình đã gửi vào cơ sở tâm thần cho đến nay. Chị T làm đơn xin ly hôn anh T, ông xác định tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T khó có thể chung sống với nhau được nữa, cho dù anh Tình có khỏi bệnh trở về, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh T.

Về con chung: anh T và chị T có hai con chung, các cháu tên là Đỗ Yến N, sinh ngày 23/10/2011 và Đỗ Anh M, sinh ngày 06/04/2017. Từ khi anh T phát bệnh và đưa vào cơ sở chữa bệnh thì các cháu Yến N và Anh M ở với chị T bên nhà ngoại cho đến nay. Do các cháu đang còn nhỏ, anh T thì bệnh nặng, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết giao các cháu cho chị T có nghĩa vụ phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: anh T và chị T không có tài sản chung, nên ông không đề nghị giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T, giao các cháu cháu Yến N và Anh M cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đại diện hợp pháp của Bị đơn là ông Đỗ Ngọc C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng không

có mặt mà không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Ông C cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và ông C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đỗ Văn T có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi nhưng không có đương sự hay người liên quan nào yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Tuy nhiên, xét thấy việc phải có người đại diện hợp pháp cho anh T là cần thiết, nên Tòa án đã đưa ông Đỗ Ngọc C (bố đẻ anh T) vào tham gia tố tụng với tư cách đại diện hợp pháp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T.

[2]. Về hôn nhân: chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Chị T khai, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập chị và đập phá tài sản một cách vô cớ. Do không chịu đựng được, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Ông C cũng thừa nhận, quá trình vợ chồng anh T chung sống với ông, anh T không làm chủ được hành vi, nên đã chửi bới người thân và đập phá tài sản trong nhà. Theo kết quả xác minh ngày 19/05/2021, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Hà Trung, quá trình chung sống, anh T có biểu hiện của bệnh tâm thần, thường xuyên mắng chửi, đánh đập chị T và người thân, nên chị T đã bế các con về nhà ngoại sống từ năm 2018 đến nay. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định cuộc sống vợ chồng của anh T và chị T đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị T và ông C đều thừa nhận, chị T và anh T có hai con chung, các cháu tên là Đỗ Yến N, sinh ngày 23/10/2011 và Đỗ Anh M, sinh ngày 06/04/2017. Chị T cũng xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Yến N và Anh M, thể hiện các cháu là con chung của anh T và chị T. Mặt khác, các cháu sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu Yến N và Anh M là con chung của chị T và anh T. Chị T và ông C đều thừa nhận, từ khi anh T phát bệnh và đưa vào cơ sở chữa bệnh thì các cháu Yến N và Anh M ở với chị T bên nhà ngoại cho đến nay. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Yến N và Anh M, ông C cũng đề nghị giao hai cháu cho chị T nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Yến N cũng có nguyện vọng được ở với chị T. Để tránh sự xáo trộn về tâm sinh lý, học tập của các cháu, nên giao các cháu Yến N và Anh M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản: chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: công nhận các cháu Đỗ Yến N, sinh ngày 23/10/2011 và Đỗ Anh M, sinh ngày 06/04/2017 là con chung của chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T. Giao các cháu Yến N và Anh M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009313 ngày 09/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị T và ông Đỗ Ngọc C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Văn Nam